TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: 305/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 265/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh 10/11/1992; Căn cước công dân: 010092004773 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/02/2022; Địa chỉ: Tổ G, xã B, tỉnh Lào Cai.

- Bà **Phan Thị Tú Y**, sinh 20/07/1992; Căn cước công dân: 066192014739 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/12/2021; Địa chỉ: Số H Đ, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, tỉnh Lào Cai vào ngày 27/9/2020, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y yêu

cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y xác định có 02 con chung là Nguyễn Thành A, sinh ngày 11/5/2022 và Nguyễn An N, sinh ngày 28/11/2024. Khi ly hôn ông bà thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Phan Thị Tú Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung lần lượt thành niên, ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y xác định vợ chồng tự thoả thuận nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y (Giấy chứng nhận kết hôn số 36 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B (Nay là Ủy ban nhân dân xã B), tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/9/2020 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y về việc nuôi con chung như sau:

Giao 02 con chung là Nguyễn Thành A, sinh ngày 11/5/2022 và Nguyễn An N, sinh ngày 28/11/2024 cho bà Phan Thị Tú Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y xác định không có nợ chung.

1.5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y phải chịu mỗi người 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Tú Y đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0005380 ngày 21 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng

TAND KHU VỰC 2

4OA290526.TLQDBA
1327